

Bản án số: 408/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 23-6-2023

Về việc ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Viết Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Tống Thị Kim Điền

2. Bà Võ Thị Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hoài Thu – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Châu.

Ngày 23 tháng 6 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về hôn nhân và gia đình thụ lý số 162/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2023 về việc “Tranh chấp Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Bà Tạ Kim L (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 53 Đường số 14, Khu phố 1, Phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Đăng T (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 53 Đường số 14, Khu phố 1, Phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Tạ Kim L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Qua thời gian tìm hiểu thì cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 1989 và đăng ký kết hôn vào năm 1989 (Giấy chứng nhận kết hôn số 107 quyền số 01 ngày 19/01/1989 do Ủy ban nhân dân Phường Thống Nhất, Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk cấp). Vợ chồng chung sống hạnh phúc được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn và xác định tình cảm vợ chồng không còn, không còn khả năng đoàn tụ mặc dù cả hai đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không thành và cùng yêu cầu Tòa án giải quyết cho cả hai ly hôn.

Về con chung: Bà Tạ Kim L và ông Nguyễn Đăng T có 02 (Hai) con chung là Nguyễn Đăng Thảo Uyên, sinh ngày 16/12/1989, giới tính nữ và Nguyễn Đăng Hải Uyên, sinh ngày 11/02/2001, giới tính nữ. Đã thành niên.

Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Nguyễn Đăng T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Qua thời gian tìm hiểu thì cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 1989 và đăng ký kết hôn vào năm 1989 (Giấy chứng nhận kết hôn số 107 quyển số 01 ngày 19/01/1989 do Ủy ban nhân dân Phường Thống Nhất, Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk cấp). Vợ chồng chung sống hạnh phúc đôi khi cũng phát sinh mâu thuẫn nhưng không nghiêm trọng và xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, nay với yêu cầu ly hôn của bà Tạ Kim L ông Nguyễn Đăng Thanh yêu cầu Tòa án giải quyết không cho ly hôn.

Về con chung: Bà Tạ Kim L và ông Nguyễn Đăng T có 02 (Hai) con chung là Nguyễn Đăng Thảo Uyên, sinh ngày 16/12/1989, giới tính nữ và Nguyễn Đăng Hải Uyên, sinh ngày 11/02/2001, giới tính nữ. Đã thành niên.

Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý; về xác định tư cách tham gia tố tụng; xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ; trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý; về thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Án phí đương sự nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Tạ Kim L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Đăng T, đây là tranh chấp ly hôn được quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn ông Nguyễn Đăng T cư trú tại Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Nguyên đơn bà Tạ Kim L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Đăng T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về các yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[3.1] Bà Tạ Kim L và ông Nguyễn Đăng T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 107 quyền số 01 ngày 19/01/1989 do Ủy ban nhân dân Phường Thống Nhất, Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk cấp) nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp; vì vậy được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3.2] Về quan hệ hôn nhân: Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cùng lời trình bày của đương sự cho thấy quan hệ hôn nhân của bà Tạ Kim L và ông Nguyễn Đăng T chỉ ràng buộc về mặt pháp lý, cả hai không còn tình cảm với nhau, không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo Khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Tạ Kim L là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Về con chung: Bà Tạ Kim L và ông Nguyễn Đăng T có 02 (Hai) con chung là Nguyễn Đăng Thảo Uyên, sinh ngày 16/12/1989, giới tính nữ và Nguyễn Đăng Hải Uyên, sinh ngày 11/02/2001, giới tính nữ. Đã thành niên.

[3.4] Về tài sản chung: Bà Tạ Kim L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3.5] Về nợ chung: Tự khai không có nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về án phí: Bà Tạ Kim L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các điều 51, 56, 57, 58 và 59 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Luật Phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Tạ Kim L được ly hôn với ông Nguyễn Đăng T (Giấy chứng nhận kết hôn số 107 quyển số 01 ngày 19/01/1989 do Ủy ban nhân dân Phường Thống Nhất, Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk cấp).

1.2. Về con chung: Bà Tạ Kim L và ông Nguyễn Đăng T có 02 (Hai) con chung là Nguyễn Đăng Thảo Uyên, sinh ngày 16/12/1989, giới tính nữ và Nguyễn Đăng Hải Uyên, sinh ngày 11/02/2001, giới tính nữ. Đã thành niên.

1.3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân sơ thẩm bà Tạ Kim L phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0015688 ngày 24/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Tạ Kim L đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ (Hoài Thu).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Bùi Viết Bình